

Số: 497/QĐ-PHĐHLN-SV

Đồng Nai, ngày 24 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Trợ cấp xã hội cho Sinh viên học kỳ II năm học 2019 - 2020

GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

- Căn cứ quyết định số: 4213/QĐ-BGDĐT ngày 01/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ quyết định số: 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường ĐHLN tại tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ thông tư số 53/1998/TT-LT/BGDĐT-BTC-BLĐT&XH ngày 25/8/1998 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;
- Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số;
- Theo đề nghị của Hội đồng xét cấp trợ cấp xã hội họp ngày 23/6/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Trợ cấp xã hội cho **69** Sinh viên hệ chính quy thuộc đối tượng diện hộ nghèo và dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn trong học kỳ II năm học 2019 – 2020;

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng như sau:

- Sinh viên thuộc hộ nghèo: **04** SVx100.000đ/tháng = 400.000đ/tháng.
- Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn: **65** SVx140.000đ/tháng = 9.100.000đ/tháng.

Tổng cộng: 9.500.000đ/tháng

(Chín triệu năm trăm ngàn đồng)

- Thời gian cấp 06 tháng/kỳ. Được cấp kể từ tháng 02 năm 2020.

Điều 3. Trưởng các Khoa CN&KT; Kinh tế; Lâm học; Nông học; TN&MT, Phòng C&CT SV; TCKT và các Sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT.





DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 437/QĐ-PHDHLN-SV ngày 24 tháng 6 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức hưởng TCXH	
						140.000 đ/tháng	100.000 đ/tháng
I	Khoa CN&KT						
1	165620211037	Trần Văn	Khánh	K61_CBLS	CONDIENKV0_Tày	140.000	
2	165580201012	Lý	Diên	K61_KTCTXD	DTTSITNGUOI_Khmer	140.000	
II	Khoa Kinh tế						
3	165340301040	Hà Thị	Thúy	K61_Kế toán	DTTSITNGUOI_Mường	140.000	
4	155340301008	Nguyễn Thị Thuý	Dung	K61_Kế toán	CONHONHEO_Kinh		100.000
5	175340301010	Lục Thị	Chang	K62_Kế toán	DTTSITNGUOI_Tày	140.000	
6	197340101011	Nguyễn Thị	Hình	K64_Kế Toán	CONDIENKV0_Gia rai	140.000	
7	197340101012	Triệu Thị	Hoa	K64_Kế Toán	DTTSHONGHEO_Dao		100.000
8	187340301023	H	San	K63_Kế Toán	DTTSITNGUOI_Mạ	140.000	
III	Khoa Lâm học						
9	165850103008	Ka	Diễm	K61_QLDD	DTTSITNGUOI_Châu mạ	140.000	
10	165850103051	Rơ Ông Ha	Duẩn	K61_QLDD	DTTSITNGUOI_Cil	140.000	
11	165850103009	K	Hậu	K61_QLDD	DTTSITNGUOI_Châu mạ	140.000	
12	175850103019	Liêng Hót Ha	Sao	K62_QLĐĐ	DTTSVCHONGHEO_Cil	140.000	
13	197620205001	K	Luyện	K64_Lâm Sinh	DTTSVCHONGHEO_Mạ	140.000	
14	197620205005	Cao Xuân	Tính	K64_Lâm Sinh	CONDIENKV0_Kinh	140.000	
15	197850103023	H	Trim	K64_Lâm Sinh	DTTSVCHONGHEO_Mạ	140.000	
16	187850103030	Liêng Jrang Phi	Jăng	K63_QLĐĐ	CONDIENKV0_Cil	140.000	
17	187620205014	K'	Linh	K63_Lâm Sinh	DTTSITNGUOI_Mạ	140.000	
18	187620205009	K	Sử	K63_Lâm Sinh	DTTSVCHONGHEO_Cơ ho	140.000	
19	187850103029	K Văn	Tinh	K63_QLĐĐ	DTTSITNGUOI_Ra glai	140.000	
IV	Khoa Nông học						



20	187640101101	Đinh Văn	Hào	K63B_Thú y	DTTSITNGUOI_H'rê	140.000	
21	187640101081	Chamaleá Thị	Thúy	K63A_Thú y	DTTSITNGUOI_Ra glai	140.000	
22	165620110004	Chờ Thị	Hiền	K61_KHCT	DTTSITNGUOI_Nùng	140.000	
23	165620112027	Bon Krong	K Lam	K61_BVTV	DTTSITNGUOI_Mạ	140.000	
24	165620112006	K	Quý	K61_BVTV	DTTSITNGUOI_Cơ ho	140.000	
25	165620110008	Lâm Tsản	Sấm	K61_KHCT	DTTSITNGUOI_Hoa	140.000	
26	175620110012	Điều	Duyên	K62_KHCT	DTTSITNGUOI_Xtiêng	140.000	
27	175620112014	Lơ Mu Ha Sân	Ly	K62_BVTV	CONDIENKV0_Cil	140.000	
28	175620112023	Lương Thanh	Thoại	K62_BVTV	DTTSITNGUOI	140.000	
29	175640101022	Nông Thị	Nguyễn	K62A_Thú Y	DTTSHONGHEO_Tày		100.000
30	175640101062	Nguyễn Thị	Tâm	K62B_Thú Y	CONHONHEO_Kinh		100.000
31	197620110001	Kon Sơ Ha Gió	Bão	K64_KHCT	CONDIENKV0_Cil	140.000	
32	197620112002	Kơ Sả Ha Rô	Bi	K64_BVTV	CONDIENKV0_Cil	140.000	
33	197620110006	Kon Sơ Ha	Joet	K64_KHCT	CONDIENKV0_Cil	140.000	
34	197620110007	Liêng Jrang Ju	Ky	K64_KHCT	CONDIENKV0_Cil	140.000	
35	197620110009	Klong Ha	Quan	K64_KHCT	CONDIENKV0_Cil	140.000	
36	187620110024	Kon Sơ Ha Ngọc	Khang	K63_KHCT	DTTSITNGUOI_Cil	140.000	
37	187620110023	Da Gút	Nato	K63_KHCT	DTTSITNGUOI_Cơ ho	140.000	
38	187620205006	Bo Bo Thị Quỳnh	Như	K63_KHCT	DTTSVCHONGHEO_Ra glai	140.000	
39	187620110007	Lý Minh	Quang	K63_KHCT	DTTSITNGUOI_Dao	140.000	
40	187620205007	Bo Bo Thị	Thế	K63_KHCT	DTTSVCHONGHEO_Ra glai	140.000	
41	187620112013	Lơ Mu Ha	Tinh	K63_BVTV	CONDIENKV0_Cil	140.000	
42	197620105003	H Lin	Kđoh	K64B_Thú Y	CONDIENKV0_Êđê	140.000	
V	Khoa TN&MT						
43	165620211025	K	Bás	K61_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	140.000	
44	165850101036	Dong Gur K' Mi	Liên	K61_QLTN&MT	CONDIENKV0_Cil	140.000	
45	165620211046	Cil Ha	Lộc	K61_QLTNR	CONDIENKV0_Cil	140.000	
46	165620211014	Lương Thị	Lý	K61_QLTNR	DTTSITNGUOI_Thái	140.000	
47	165620211012	Lơ Mu Ha Si	Nai	K61_QLTNR	CONDIENKV0_Cil	140.000	

48	165620211055	Chế Văn	Ngấn	K61_QLTNR	CONDIENKV0_Ra glai	140.000		
49	165620211056	Cơ Liêng Ha	Nhường	K61_QLTNR	DTTSITNGUOI_Cil	140.000		
50	165620211054	Mang	Quyền	K61_QLTNR	CONDIENKV0_Ra glai	140.000		
51	165620211051	Đình Thị	Xương	K61_QLTNR	DTTSVCHONGHEO_Kinh	140.000		
52	175620211022	Mẫu Xuân	Hải	K62_QLTNR	DTTSITNGUOI_Ra glai	140.000		
53	175850101006	Vi Văn	Nhỏ	K62_QLTN&MT	DTTSVCHONGHEO_Nùng	140.000		
54	175620211023	H Bảo	Yến	K62_QLTNR	DTTSVCHONGHEO_Châu mạ	140.000		
55	197620211006	Rơ Châm	Hải	K64_QLTNR	CONDIENKV0_Gia rai	140.000		
56	197620211010	Kon Sơ Ha	Huynh	K64_QLTNR	DTTSVCHONGHEO_Cil	140.000		
57	197640101041	K Văn	Long	K64_QLTNR	DTTSITNGUOI_Cơ ho	140.000		
58	197620211014	H	Phiếu	K64_QLTNR	DTTSVCHONGHEO_Châu mạ	140.000		
59	197620211016	Sơ Nur	Sumi	K64_QLTNR	CONDIENKV0_Cil	140.000		
60	187620211034	H	Brách	K63_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	140.000		
61	187850101019	H'	Hiền	K63_QLTN&MT	DTTSITNGUOI_Mạ	140.000		
62	187620211020	Chau	Khone	K63_QLTNR	DTTSITNGUOI_Khmer	140.000		
63	187310101005	Dong Gur K Bét	Ly	K63_QLTN&MT	CONDIENKV0_Cil	140.000		
64	187580201005	Liêng Hót Ha	Lý	K63_QLTNR	DTTSITNGUOI_Cil	140.000		
65	187620211041	Dong Gur Ma	Nít	K63_QLTNR	DTTSITNGUOI_Cil	140.000		
66	187620211035	Ma Khánh	Phước	K63_QLTNR	DTTSITNGUOI_Tày	140.000		
67	187620211036	Chamaléa	Phương	K63_QLTNR	DTTSITNGUOI_Ra glai	140.000		
68	187620211040	Pinăng	Thiéc	K63_QLTNR	DTTSITNGUOI_Ra glai	140.000		
69	187310101001	Kră Jăn Lý	Thuyết	K63_QLTN&MT	CONDIENKV0_Cil	140.000		
		Cộng					9.500.000	



(Chín triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)